

Số: 61/2023/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 17 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định ban hành kèm theo
Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2014 và
Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc
nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính,
cung cấp dịch vụ công;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi
hành Luật Đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
573/TTr-STNMT-QLĐĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 6 của Quy định hạn mức giao đất ở; hạn mức công nhận đất ở đối với đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh

“c) Số lượng nhân khẩu trong cùng hộ gia đình nêu tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này phải là người trong cùng một hộ gia đình đăng ký thường trú đến trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành và được cơ quan đăng ký cư trú xác nhận.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 và Điều 14 của Quy định quản lý, sử dụng và cho thuê đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Đối tượng được thuê đất: Hộ gia đình, cá nhân đăng ký thường trú tại địa bàn cấp xã.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Nộp hồ sơ tham gia đấu giá

Căn cứ vào phương án đấu giá đất được Ủy ban nhân dân cấp xã công khai, hộ gia đình, cá nhân đăng ký thường trú tại địa bàn cấp xã nơi có đất có nhu cầu sử dụng đất liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã để tiến hành nộp hồ sơ tham gia đấu giá. Thành phần hồ sơ gồm:

1. Đơn xin thuê đất (Biểu mẫu số 01 ban hành kèm theo Quy định này);

2. Bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về đăng ký cư trú gồm: Thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Giấy xác nhận thông tin về cư trú; Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với trường hợp không khai thác được thông tin thường trú của hộ gia đình, cá nhân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.”

3. Bổ sung, thay thế một số cụm từ tại mẫu số 01, mẫu số 02 kèm theo Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về quản lý, sử dụng và cho thuê đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

a) Thay thế cụm từ “Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu” thành “Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu” tại mẫu số 01.

b) Thay thế cụm từ “nơi đăng ký hộ khẩu thường trú” thành “nơi đăng ký thường trú” và bổ sung cụm từ “số thẻ căn cước công dân” trước cụm từ “số chứng minh dân nhân” tại mẫu số 02.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Chủ tịch Ủy ban nhân

dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (báo cáo);
- Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TVTU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh;
- Tòa án Nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã và TP Huế;
- HĐND, UBND các xã, phường và thị trấn;
- Công báo tỉnh;
- Đài TRT, Báo TT Huế (đăng tin);
- VP: các PCVP và các CV,
- Cổng thông tin Điện tử TT Huế;
- Lưu VT, ĐC, NĐ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương